

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2023
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê V Tám.

Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai
Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy,
tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình
thụ lý: 178/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh
chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
127/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số: 90/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các
đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2001 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 86/43/14 đường X, khu phố Y, phường Z, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Lê V, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 15 đường Trương V Diệp, khu phố Y, phường Z, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền
Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn
chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày:* Chị với anh Lê V do tự tìm hiểu mà tiến đến
hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2019 tại Ủy ban
nhân dân phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống
rất hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất
đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không có tiếng nói chung
trong gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị cũng đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn
gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn lại tiếp tục
xảy ra, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị và anh V đã sống ly thân từ
tháng 03/2023 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể nào
hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị xin ly hôn với anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê H, sinh ngày 10/3/2019 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Lê V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Quỳnh N với anh Lê V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường Z, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 vào ngày 18/4/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh V đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị N trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 03/2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Riêng đối với anh Lê V, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị N yêu cầu ly hôn, anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị N nữa. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N với anh V thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Lê H, sinh ngày 10/3/2019, hiện đang sống với chị N. Ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị N và anh V sống ly thân thì con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng N các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Lê V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Quỳnh N không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N trình bày tự thỏa thuận và không có còn anh Lê V vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh N. Cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N được ly hôn với anh Lê V.

2. Về con: Giao con chung tên Lê H, sinh ngày 10/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0018730 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem N đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSNDTXCai Lậy;
- CCTHADSTXCai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

